

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Lý

Ông Nông Quốc Khôi

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Triệu Thị B, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị T và luật sư Phạm Bích N – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị T, Đoàn Luật sư tỉnh C. Địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn: Bùi Văn B1, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Đ và luật sư Phan Thị Ngọc B2 – Văn phòng Luật sư Nguyễn Đ, Đoàn Luật sư tỉnh C. Địa chỉ: Số D, tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế H – Chức vụ: Chủ tịch

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh C – Chức vụ: Phó chủ tịch, theo văn bản ủy quyền số 24/GUQ-UBND ngày 04/01/2024. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- UBND phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo pháp luật: Ông La Văn H1 – Chức vụ: Chủ tịch

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Công S - Công chức địa chính, theo văn bản ủy quyền số 74/UBND-GUQ ngày 02/4/2024. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Triệu Văn H2, sinh năm 1958

- Triệu Văn C1, sinh năm 1966

- Triệu Thị Đ1, sinh năm 1969

- Triệu Thị T1, sinh năm 1973

Cùng trú tại: Tổ B, phường H, TP C, tỉnh Cao Bằng.

Ông H2, ông C1, bà Đ1, bà T1 đều uỷ quyền cho bà Triệu Thị B tham gia tố tụng (Theo Giấy uỷ quyền ngày 26/12/2023)

- Bùi Thị H3, sinh năm 1965. Có mặt

Địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- Nguyễn Đức T2, sinh năm 1964. Có mặt

Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên đương sự như sau:

- Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất được quyền quản lý và sử dụng chung phần diện tích đất tranh chấp phía sau nhà của bị đơn ông Bùi Văn B1 (Địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) với diện tích là 5,9m² đất theo sơ đồ đo vẽ ngày 25/5/2023 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh C thực hiện.

- Các bên đương sự thỏa thuận đồ vật, tài sản trên phần đất dùng chung để nguyên trạng không được xây lắp coi nói thêm. Nếu có thêm thiết kế mới, cần có sự đồng ý của hai bên.

- Anh B1 có trách nhiệm giao cho chị B 01 chìa khóa để mở cửa vào phần đất dùng chung 5,9m² trước ngày 06/7/2024.

- Anh B1 tự nguyện có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chuyên môn, đề nghị thu hồi và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 021291 cấp ngày 25 tháng 12 năm 2006 do UBND Thành phố cấp cho ông Bùi Văn B1 và bà Bùi Thị H3, cấp lại trừ đi phần diện tích đất tranh chấp 5,9m² do Nguyên đơn và

Bị đơn đã thỏa thuận để quản lý và sử dụng chung. Phần diện tích đất 5,9m² có tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông giáp nhà của ông Bùi Văn B1

+ Phía Tây giáp nhà của bà Triệu Thị B; nhà của bà Đàm Thị L và nhà của bà Nguyễn Thu B3;

+ Phía Nam giáp khoảng đất trống giữa nhà ông Nguyễn Xuân T3 và bà Triệu Thị Bích .

+ Phía Bắc giáp đất của gia đình bà Đàm Thị L

(Có sơ đồ kèm theo)

- Hai bên phải có trách nhiệm đảm bảo giữ vệ sinh chung đối với phần diện tích dùng chung.

3. Về án phí:

Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ để sung công quỹ nhà nước. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ theo Biên lai số 0003360 ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

4. Về chi phí tố tụng:

Số tiền chi phí giám định chữ ký và chi phí thẩm định tại chỗ là 8.071.000đ. Số tiền trên Nguyên đơn đã bỏ ra chi phí trước, nay Nguyên đơn và Bị đơn tự nguyện chịu mỗi người là 1/2 chi phí tố tụng. Cụ thể Nguyên đơn chịu 4.035.500đ; Bị đơn chịu 4.035.500đ. Xác nhận tại phiên tòa Bị đơn ông Bùi Văn B1 đã thanh toán đủ số tiền 4.035.500đ cho Nguyên đơn Triệu Thị B .

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Như